

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05/02/2021
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thích
2. Ông Lùng Minh Chương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên - Thư ký tòa án nhân dân huyện H, tỉnh H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99 /2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sèn Thị N.

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh H1. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Xin Ngọc T.

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh H1. Vắng mặt sau khi đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn là chị Sèn Thị N trình bày như sau: Chị N và anh T tự nguyện về chung sống với nhau sau đó đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh H1 vào ngày 24/7/2018. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ anh T tại xã T, huyện H một thời gian rồi cùng đi làm thuê ở H. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T hay đi chơi và khi chị N nhắc nhở thì anh T đánh chị N. Ngoài ra, anh T còn ghen tuông làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng mỗi người tự đi làm thuê một nơi nên không quan tâm chăm sóc đến

nhau và không thống nhất với nhau trong mọi công việc của cuộc sống gia đình. Nay chị N thấy vợ chồng không thể khắc phục được mâu thuẫn và đã không thể chung sống cùng nhau được hơn một năm nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị N và anh T có con chung tên là cháu Xin Thanh X; sinh ngày 15/11/2016. Anh Nguyễn đi làm thuê suốt không hay chăm sóc con và cũng không có nghề nghiệp ổn định nên khi ly hôn thì chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến khi 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị N và anh T không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Xin Ngọc T: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo và giấy triệu tập anh T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh T đều vắng mặt nên Tòa án đã xác minh sự vắng mặt của đương sự và được ông Xin Chấn P là bố của anh T cho biết anh T hay đi làm xa nhà và hiện đang đi làm thuê ở Q nhưng không có địa chỉ cố định. Khi Tòa án gửi giấy triệu tập đến nhà thì T thì ông cũng thông báo cho anh T nhưng anh T không về theo giấy triệu tập thì ông cũng không biết lý do và cũng không biết lúc nào T về nhà. Tòa án đã thực hiện tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại gia đình anh T và được bố của anh T cho biết: anh T và chị N đã tự về chung sống cùng nhau tại nhà ông P từ năm 2016 sau đó mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H. Sau khi đăng ký kết hôn thì chị N ở nhà sinh con còn anh T đi học nghề và đi làm thuê và cho đến nay. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn khi cùng làm thuê ở Thành phố H. Nguyên nhân là do anh T ghen tuông chị N đi làm về hay cầm điện thoại nhắn tin nên đánh chị N. Sau đó hai vợ chồng tự khắc phục mâu thuẫn và cùng về nhà ở một thời gian thì mỗi người lại đi làm thuê một nơi cho đến nay đã không ở cùng nhau từ đầu năm 2019. Về con chung thì khi vợ chồng đi làm thuê thì gửi con cho ông P hộ nuôi và cho đi học ở xã T. Về tài sản chung, công nợ chung thì vợ chồng chị N và anh T không có tài sản chung, công nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ của đương sự là không có mặt khi được Tòa án triệu tập. Về yêu cầu khởi kiện, anh T và chị N có đăng ký kết hôn sau đó anh T bỏ đi và vợ chồng đã không chung sống cùng nhau một thời gian từ năm 2019 đến nay. Mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, đề nghị xử cho chị Sèn Thị N được ly hôn anh Xin Ngọc T. Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Sèn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Xin Ngọc T và yêu cầu được nuôi con chung. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T đều vắng mặt. Tòa án đã niêm yết văn bản theo quy định. Sau khi có quyết định xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Anh T vắng mặt tại phiên tòa ngày 20/01/2021 nên Tòa án hoãn phiên tòa và tiếp tục niêm yết quyết định hoãn phiên tòa đến nay anh T đã được niêm yết văn bản hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Đồng thời chị N có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, các lời khai của nguyên đơn là chị Sèn Thị N và các biên bản xác minh ngày 30/11/2020 tại nhà ông P thuộc thôn N, xã T, huyện H thấy rằng: chị N và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H vào ngày 24/7/2018. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sau thời gian cùng chung sống và cùng đi làm thuê thì có phát sinh mâu thuẫn nên đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm chăm sóc nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay. Ngoài ra, anh T còn có hành vi bạo lực gia đình là khi vợ chồng cãi nhau thì anh T có đánh chị N.

[3] Anh T và chị N có xảy ra bạo lực gia đình và đã sống ly thân đến nay đã được một năm, vợ chồng anh T và chị N đã được ông Xin Chấn P là bố anh T khuyên bảo nhiều về việc khắc phục mâu thuẫn để hòa thuận với nhau nhưng cả hai vợ chồng đều không khắc phục được. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu ly hôn anh T là có cơ sở và cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh T có con chung cháu Xin Thanh X; sinh ngày 15/11/2016. Nay cháu X còn nhỏ và từ khi chị N sinh con thì anh T đi học và làm thuê không được chăm sóc con. Anh T không có thu nhập ổn định nên chị N yêu cầu được nuôi con chung và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: chị N và anh T không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Sèn Thị N. Tuyên xử cho chị Sèn Thị N được ly hôn anh Xin Ngọc T.

* **Về con chung:** Giao cháu Xin Thanh X; sinh ngày 15/11/2016 cho chị Sèn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi. Anh Xin Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở quyền này.

Vì quyền lợi của con chung, sau này các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

* **Về tài sản chung, công nợ chung:** chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về án phí:** chị Sèn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số 04386, ngày 19 tháng 11 năm 2020.

* **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện HSP;
- THADS huyện HSP;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Minh Phương

